TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04-5-2020
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Tuyết

2. Ông Dương Quốc Võ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thạch Rine – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham giam phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trầm Thị Bé T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Minh T, Luật sư Văn phòng Luật sư 79 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã D Hải, tỉnh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trầm Thị Bé T đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký hôn năm ngày 11-10-2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tr. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà bất đồng quan điểm nên sinh ra nhiều mâu thuẫn. Ông T hành hung bà và đe dọa bà đủ thứ. Vợ chồng bà hiện đã ly thân hơn nhiều tháng.

Vì vậy, bà không muốn tiếp tục sống chung với ông T nữa nên yêu cầu được ly hôn ông T.

- Về con chung: Bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con là cháu Huỳnh Thiên H, sinh ngày 31/10/2012, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung.

** Theo bản tự khai ngày 06/12/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Huỳnh Văn T đã trình bày như sau*:

- Về hôn nhân: Vợ chồng ông tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký hôn ngày 11-10-2012 tại Ủy ban nhân dân xã L. Trong thời gian chung sống vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân. Tuy nhiên, từ lúc vợ chồng ly thân thì ông đã cố gắng sửa đổi rất nhiều. Ông thật sự thương con và mong muốn vợ ông suy nghĩ lại để về vợ chồng tiếp tục chung sống. Vì vậy, ông không đồng ý ly hôn vợ ông và mong tòa cho thêm thời gian.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có con là Huỳnh Thiên Hạo, sinh ngày 31/10/2012. Cháu sống với bà ngoại của cháu từ nhỏ nên ông sẽ để cho vợ ông nuôi con nếu trường hợp vợ chồng ông ly hôn.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng ông không có nợ chung.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và triệu tập ông Huỳnh Văn Tuấn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai, chứng cứ lần thứ hai vào ngày 03/01/2020 nhưng ông T vắng mặt. Nguyên đơn bà Trầm Thị Bé T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Tuấn và yêu cầu được quyền nuôi con. Bị đơn ông Huỳnh Văn T vắng mặt tại các lần Tòa án mở phiên tòa. Vì vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Luật sư Dương Minh T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho nguyên đơn cho rằng hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà T và ông T có xảy ra mâu thuẫn được ông T và bà T thừa nhận. Mặc dù hai bên có tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm nhưng bà T cho rằng không còn tình cảm với ông T và không muốn tiếp tục chung sống với ông T nữa với lý do bà T và ông T không hợp tính tình và ông T có hành vi bạo lực với bà T. Hiện tại bà T và ông T đã sống ly thân nên đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Đối với con chung của bà T và ông T là cháu Huỳnh Thiên H thì hiện tại do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Thiên H hiện nay tuổi còn nhỏ nên đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà T trực tiếp nuôi cháu Thiên H theo nguyện vọng của cháu. Tài sản chung và nợ chung, bà T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Văn T của bà Trầm Thị Bé T.

+ Về con chung: Vị Kiểm sát viên đề nghị giao con là Huỳnh Thiên H, sinh ngày 31/10/2012 cho bà Trầm Thị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: bà Trầm Thị Bé T không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: bà Trầm Thị Bé T và ông Huỳnh Văn T không yêu cầu và khai không có nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

+ Về kiến nghị, khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trầm Thị Bé T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Văn T và yêu cầu giải quyết việc nuôi con giữa bà T và ông T. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Huỳnh Văn T có hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Huỳnh Văn T là bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Ông T cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của nguyên đơn, Kiểm sát viên và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trầm Thị Bé T và ông Huỳnh Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 11-10-2012 tại Ủy ban nhân dân xã L theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà T và ông T là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà T trong thời gian chung sống, giữa bà T và ông T có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách sống và do ông T ghen vô cớ. Từ đó vợ chồng sống ly thân trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Quá trình hòa giải tại Tòa án, bà T và ông T cũng thừa nhận giữa hai bên có xảy ra mâu thuẫn. Kết quả

xác minh của Tòa án về nguyên nhân mâu thuẫn của bà T và ông T thể hiện giữa bà T và ông T có xảy ra mâu thuẫn là có thật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện để bà T và ông T đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn. Mặc dù ông Tuấn rất mong muốn bà T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ chung sống và không muốn ly hôn nhưng lại vắng mặt tại phiên họp hòa giải lần thứ hai và các lần Tòa án mở phiên tòa mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng muốn được hạnh phúc là phải cùng yêu thương nhau, cùng chung sống và cùng mong muốn xây đắp gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi Tòa án tổ chức hòa giải, bà T một mực cương quyết yêu cầu ly hôn ông T vì cho rằng không còn tình cảm với ông T và không muốn tiếp tục chung sống với ông T. Tại phiên tòa, bà T vẫn cương quyết muốn ly hôn ông T. Điều này cho thấy khả năng để bà T và ông T đoàn tụ để chung sống là rất khó thực hiện được. Bà T và ông T hiện tại đang sống ly thân. Trong thời gian này, bà T và ông T cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Văn T của bà Trầm Thị Bé T như đề nghị của vị Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[5] Về nuôi con: Bà Trầm Thị Bé T và ông Huỳnh Văn T có con chung là cháu Huỳnh Thiên H, sinh ngày 31/10/2012. Hiện tại cháu Thiên H đang sống chung với bà T tại nhà cha mẹ của bà T. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà T đều yêu cầu được quyền nuôi con. Còn ông T thì chấp nhận cho bà T nuôi con nếu Tòa án giải quyết cho ông và bà T ly hôn. Khi Tòa án hỏi ý kiến của cháu Thiên H thì cháu trình bày là muốn sống với bà Thư. Xét điều kiện của bà Thư và ông Tuấn, ý kiến của cháu Huỳnh Thiên H thì thấy rằng việc giao cháu Thiên H cho bà Trầm Thị Bé T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Thiên H như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Sau khi ly hôn, nếu cháu Thiên H chưa đủ 18 tuổi và có nguyện vọng sống với ông T hoặc bà T không đảm bảo điều kiện nuôi cháu Thiên H theo quy định pháp luật thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Thiên H.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trầm Thị Bé T là người được giao nuôi cháu Huỳnh Thiên H nhưng không yêu cầu cấp dưỡng cháu Thiên H nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, bà Huỳnh Thị Bé T có quyền yêu cầu ông Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Thiên H theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Bà Trầm Thị Bé T và ông Huỳnh Văn T không có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ: Bà Trầm Thị Bé T và ông Huỳnh Văn T khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Trầm Thị Bé Ttrường hợp được miễn, giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, bà T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trầm Thị Bé T. Bà Trầm Thị Bé T được ly hôn ông Huỳnh Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thiên H, sinh ngày 31/10/2012 cho bà Trầm Thị Bé T tiếp tục trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không ai được quyền cản trở bà Trầm Thị Bé T và ông Huỳnh Văn T trong việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nôm con.

Vì lợi ích của cháu Huỳnh Thiên H, khi cần thiết và có yêu cầu của ông Huỳnh Văn T hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án sẽ xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu ông Huỳnh Văn T lạm dụng việc thăm nôm để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì bà Trầm Thị Bé T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nôm con của ông Huỳnh Văn T theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trầm Thị Bé T là người được giao nuôi cháu Huỳnh Thiên H nhưng bà Thư không có yêu cầu ông Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, bà Trầm Thị Bé T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là ông Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Thiên H theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Bà Trầm Thị Bé T và ông Huỳnh Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu bà Trầm Thị Bé T và ông Huỳnh Văn T có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì bà Thư hoặc ông Tuấn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ: Bà Trầm Thị Bé T và ông Huỳnh Văn T khai không có nợ ai nên ghi nhận ý kiến và không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà Trầm Thị Bé T phải chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số:00004802 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D.

Như vậy, bà Trầm Thị Bé T đã nộp xong án phí. Ông Huỳnh Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn bà Trầm Thị Bé T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Huỳnh Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. D;
- Chi cục THADS TX. D;
- Đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (10 bản)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tấn Thanh